01

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

THÔNG TƯ[1]
Hướng dẫn về phát hành trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh

Thông tư số 34/2012/TT-BTC ngày 01 tháng 3 năm 2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phát hành trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh, có hiệu lực kể từ ngày 18 tháng 4 năm 2012, được sửa đổi, bổ sung bởi:

Thông tư số 167/2013/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2013 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều Thông tư số 34/2012/TT-BTC ngày 01 tháng 3 năm 2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn phát hành trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh, có hiệu lực kể từ ngày 29 tháng 12 năm 2013.

Căn cứ Luật Quản lý nợ công ngày 17 tháng 6 năm 2009;

Căn cứ Luật Chứng khoán ngày 29 tháng 6 năm 2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật chứng khoán ngày 24 tháng 11 năm 2010;

Căn cứ Nghị định số 118/2008/NĐ-CP ngày 27 tháng 11 năm 2008 của Chính phủ về quy định chức năng, nhiệm vụ và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Căn cứ Nghị định số 01/2011/NĐ-CP ngày 5 tháng 1 năm 2011của Chính phủ về phát hành trái phiếu Chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh và trái phiếu chính quyền địa phương;

Căn cứ Nghị định số 15/2011/NĐ- CP ngày 16 tháng 2 năm 2011 của Chính phủ về cấp và quản lý bảo lãnh Chính phủ;

Bộ Tài chính hướng dẫn về việc phát hành trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh như sau:[2]

---

[1] Văn bản này được hợp nhất từ 2 Thông tư sau:

- Thông tư số 34/2012/TT-BTC ngày 01 tháng 3 năm 2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phát hành trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh, có hiệu lực kể từ ngày 18 tháng 4 năm 2012.
- Thông tư số 167/2013/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2013 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều Thông tư số 34/2012/TT-BTC ngày 01 tháng 3 năm 2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn phát hành trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh, có hiệu lực kể từ ngày 29 tháng 12 năm 2013.

Văn bản hợp nhất này không thay thế 2 Thông tư nêu trên.

[2] Thông tư số 167/2013/TT-BTC sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 34/2012/TT-BTC ngày 1 tháng 3 năm 2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn phát hành trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh, có hiệu lực kể từ ngày 29 tháng 12 năm 2013, có căn cứ ban hành như sau:

CHƯƠNG I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này hướng dẫn về phát hành trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh (sau đây gọi tắt là trái phiếu được bảo lãnh) tại thị trường trong nước và thị trường quốc tế.

Điều 2. Chủ thể phát hành

Chủ thể phát hành trái phiếu được bảo lãnh là doanh nghiệp, ngân hàng chính sách của nhà nước và các tổ chức tài chính, tín dụng (sau đây gọi chung là chủ thể phát hành) thuộc đối tượng được cấp bảo lãnh Chính phủ theo quy định tại Khoản 2, Điều 3 Nghị định số 01/2011/NĐ-CP ngày 5 tháng 1 năm 2011 của Chính phủ về phát hành trái phiếu Chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh và trái phiếu chính quyền địa phương (sau đây gọi tắt là Nghị định số 01/2011/NĐ-CP).

Điều 3. Mục đích phát hành

Trái phiếu được bảo lãnh được phát hành để đầu tư cho các chương trình, dự án theo quy định tại Khoản 2, Điều 4 Nghị định số 01/2011/NĐ-CP.

Điều 4. Điều kiện phát hành

1. Đối với các doanh nghiệp

a) Phải đáp ứng đầy đủ các điều kiện phát hành trái phiếu được bảo lãnh theo quy định tại Khoản 1, Điều 16 Nghị định số 01/2011/NĐ-CP khi phát hành trái phiếu tại thị trường trong nước;

"Căn cứ Luật Quản lý nợ công ngày 17 tháng 6 năm 2009;

Căn cứ Luật Chứng khoán ngày 29 tháng 6 năm 2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật chứng khoán ngày 24 tháng 11 năm 2010;

Căn cứ Nghị định số 118/2008/NĐ-CP ngày 27 tháng 11 năm 2008 của Chính phủ về quy định chức năng, nhiệm vụ và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Căn cứ Nghị định số 01/2011/NĐ-CP ngày 5 tháng 1 năm 2011 của Chính phủ về phát hành trái phiếu Chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh và trái phiếu chính quyền địa phương;

Căn cứ Nghị định số 15/2011/NĐ-CP ngày 16 tháng 2 năm 2011 của Chính phủ về cấp và quản lý bảo lãnh Chính phủ;

Theo ý kiến chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại công văn số 403/TTG-KTTH ngày 18/3/2013 phê duyệt hạn mức bảo lãnh phát hành trái phiếu cho các ngân hàng chính sách năm 2013;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Tài chính các ngân hàng và tổ chức tài chính,

Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 34/2012/TT-BTC ngày 01 tháng 03 năm 2012 hướng dẫn về phát hành trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh".

b) Phải đáp ứng đầy đủ các điều kiện hành trái phiếu được bảo lãnh quy định tại Điều 40 Nghị định số 01/2011/NĐ-CP khi phát hành trái phiếu ra thị trường quốc tế.

2. Đối với các ngân hàng chính sách phát hành tại thị trường trong nước

a) Phải đáp ứng đầy đủ các điều kiện phát hành trái phiếu được bảo lãnh theo quy định tại Khoản 2, Điều 16, Nghị định số 01/2011/NĐ-CP;

b) Khối lượng phát hành trái phiếu được bảo lãnh phải thuộc hạn mức bảo lãnh Chính phủ được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt trong từng thời kỳ.

3. Đối với các tổ chức tài chính, tín dụng thực hiện chương trình tín dụng có mục tiêu của Nhà nước

a) Phát hành trái phiếu được bảo lãnh tại thị trường trong nước để thực hiện chương trình tín dụng có mục tiêu của Nhà nước theo từng quyết định của Thủ tướng Chính phủ đối với từng chương trình, dự án;

b) Phải đáp ứng đầy đủ điều kiện phát hành quy định tại Điều 34 Luật Quản lý nợ công và Khoản 2, Điều 16 Nghị định số 01/2011/NĐ-CP của Chính phủ.

Điều 5. Điều kiện và điều khoản của trái phiếu

Ngoài các điều kiện, điều khoản quy định tại Điều 6, Nghị định số 01/2011/NĐ-CP, chủ thể phát hành trái phiếu được bảo lãnh còn phải tuân thủ các quy định sau:

1. Khối lượng phát hành:

Khối lượng phát hành từng đợt do chủ thể phát hành quyết định nhưng không được vượt quá hạn mức bảo lãnh phát hành trái phiếu trong từng thời kỳ được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định tại Thông tư này.

2. Lãi suất phát hành

a) Lãi suất phát hành trái phiếu được bảo lãnh tại thị trường trong nước do chủ thể phát hành quyết định cho từng đợt phát hành nhưng không được vượt quá khung lãi suất do Bộ Tài chính thông báo cho từng đợt phát hành hoặc trong từng thời kỳ;

b) Lãi suất phát hành trái phiếu được bảo lãnh tại thị trường quốc tế do chủ thể phát hành quyết định cho từng đợt phát hành căn cứ vào Đề án phát hành đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt và tình hình thị trường tại thời điểm phát hành.

Điều 6. Mua lại và hoán đổi trái phiếu

1. Chủ thể phát hành trái phiếu được bảo lãnh có thể mua lại trái phiếu trước hạn để giảm nghĩa vụ nợ. Việc mua lại trái phiếu phải đảm bảo các nguyên tắc sau:

a) Có phương án mua lại trái phiếu được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Cấp phê duyệt phương án phát hành đồng thời là cấp phê duyệt phương án mua lại trái phiếu;

b) Công khai, minh bạch và hiệu quả.

2. Chủ thể phát hành trái phiếu được bảo lãnh được thực hiện hoán đổi trái phiếu để giảm nghĩa vụ nợ hoặc để cơ cấu lại nợ. Việc hoán đổi trái phiếu phải đảm bảo các nguyên tắc sau:

a) Có phương án hoán đổi trái phiếu được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Cấp phê duyệt phương án phát hành đồng thời là cấp phê duyệt phương án hoán đổi trái phiếu;

b) Phương án hoán đổi trái phiếu phải được Bộ Tài chính xem xét, có ý kiến chấp thuận bằng văn bản;

c) Công khai, minh bạch và hiệu quả;

3. Chủ thể phát hành được áp dụng các phương thức tổ chức mua lại, hoán đổi của trái phiếu Chính phủ để thực hiện mua lại, hoán đổi trái phiếu được bảo lãnh.

4. Chủ thể phát hành chịu trách nhiệm về hiệu quả của việc mua lại, hoán đổi trái phiếu được bảo lãnh và có trách nhiệm báo cáo Bộ Tài chính theo quy định tại Thông tư này.

CHƯƠNG II

PHÊ DUYỆT ĐỀ ÁN PHÁT HÀNH TRÁI PHIẾU ĐƯỢC BẢO LÃNH

MỤC 1. TRÁI PHIẾU ĐƯỢC BẢO LÃNH DO DOANH NGHIỆP PHÁT HÀNH

Điều 7. Hồ sơ đề nghị cấp bảo lãnh

1. Đối với phát hành trái phiếu được bảo lãnh tại thị trường trong nước

a) Văn bản đề nghị phát hành trái phiếu được bảo lãnh của chủ thể phát hành theo mẫu tại Phụ lục 1 đính kèm Thông tư này;

b) Đề án phát hành trái phiếu được bảo lãnh. Ngoài các nội dung quy định tại Khoản 1, Điều 17 Nghị định số 01/2011/NĐ-CP, đề án phát hành trái phiếu phải bổ sung thêm các nội dung sau:

- Thông tin về chương trình, dự án đầu tư và tình hình triển khai thực hiện, bao gồm: quyết định đầu tư của cấp có thẩm quyền; tổng mức đầu tư; lĩnh vực đầu tư thuộc danh mục các dự án, chương trình được xem xét cấp bảo lãnh theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ trong từng thời kỳ; kế hoạch và tiến độ đầu tư; các nguồn vốn thực hiện, trong đó có nguồn vốn trái phiếu được bảo lãnh và tình hình thực hiện chương trình, dự án đến thời điểm nộp hồ sơ;

- Dự kiến kế hoạch phát hành trái phiếu được bảo lãnh: tổng khối lượng phát hành được chia theo kỳ hạn trái phiếu và kế hoạch phát hành trên cơ sở tiến độ triển khai và giải ngân của chương trình, dự án. Trường hợp việc phát hành dự kiến được chia thành nhiều đợt hành phát trong nhiều năm thì kế hoạch phát hành phải được xây dựng cụ thể cho từng năm;

c) Báo cáo tài chính năm của ba (03) năm liền kề trước năm đề nghị phát hành trái phiếu đã được kiểm toán bởi Kiểm toán Nhà nước hoặc tổ chức kiểm toán độc lập được phép hoạt động hợp pháp tại Việt Nam theo quy định của pháp luật về phát hành trái phiếu doanh nghiệp.

Trường hợp doanh nghiệp nộp hồ sơ đề nghị phát hành trái phiếu trước ngày 1/4 hàng năm, báo cáo tài chính năm của năm liền kề trước năm đề nghị phát hành có thể là báo cáo tài chính chưa kiểm toán nhưng phải được Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch công ty phê duyệt theo Điều lệ hoạt động của doanh nghiệp;

d) Văn bản phê duyệt và chấp thuận đề án phát hành trái phiếu doanh nghiệp của cấp có thẩm quyền theo quy định của pháp luật về phát hành trái phiếu doanh nghiệp;

đ) Các văn bản chứng minh đủ điều kiện phát hành trái phiếu được bảo lãnh theo quy định tại Điều 4 Thông tư này, bao gồm:

- Bản sao có chứng thực Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của doanh nghiệp và Điều lệ tổ chức và hoạt động của doanh nghiệp;

- Các văn bản chứng minh chương trình, dự án đã hoàn thành thủ tục đầu tư và xây dựng theo quy định của pháp luật về đầu tư và xây dựng;

- Tài liệu chứng minh doanh nghiệp có tối thiểu 20% vốn chủ sở hữu đầu tư vào chương trình, dự án;

- Các văn bản khác chứng minh doanh nghiệp đủ điều kiện phát hành trái phiếu theo pháp luật về phát hành trái phiếu doanh nghiệp.

2. Đối với phát hành trái phiếu được bảo lãnh ra thị trường quốc tế

a) Văn bản đề nghị phát hành trái phiếu được bảo lãnh của chủ thể phát hành theo mẫu tại Phụ lục 1 đính kèm Thông tư này;

b) Đề án phát hành trái phiếu được bảo lãnh. Ngoài các nội dung quy định tại Điều 41 Nghị định số 01/2011/NĐ-CP, đề án phát hành trái phiếu ra thị

trường quốc tế phải bổ sung thêm các nội dung quy định tại tiết b Khoản 1 Điều này;

c) Các hồ sơ quy định tại tiết c, d, đ Khoản 1 Điều này.

Điều 8. Quy trình, thủ tục phê duyệt cấp bảo lãnh

1. Doanh nghiệp gửi một (01) bộ hồ sơ quy định tại Điều 7 Thông tư này tới Bộ Tài chính để kiểm tra tính đầy đủ, hợp lệ của hồ sơ và đề nghị bổ sung hồ sơ (nếu có). Trường hợp hồ sơ đã đầy đủ, Bộ Tài chính thông báo để doanh nghiệp nộp bổ sung năm (05) bộ hồ sơ để làm thủ tục xem xét có ý kiến đối với đề án phát hành trái phiếu được bảo lãnh.

2. Trong vòng ba mươi (30) ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ theo quy định tại Khoản 1 Điều này, Bộ Tài chính chủ trì phối hợp với các Bộ, ngành liên quan xem xét, có ý kiến đề án phát hành trái phiếu được bảo lãnh. Nội dung xem xét bao gồm:

a) Đối tượng và điều kiện phát hành trái phiếu theo quy định tại Thông tư này;

b) Phương án tài chính của chương trình, dự án và phương án phát hành trái phiếu;

c) Phương án sử dụng và quản lý nguồn vốn phát hành trái phiếu, phương án bố trí nguồn vốn thanh toán gốc, lãi trái phiếu;

d) Năng lực và tình hình tài chính của doanh nghiệp bao gồm: vốn chủ sở hữu, nợ phải trả, khả năng thanh toán nợ, lợi nhuận;

đ) Hạn mức bảo lãnh Chính phủ hàng năm được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

3. Trên cơ sở tổng hợp ý kiến của các Bộ, ngành liên quan, Bộ Tài chính trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, phê duyệt chủ trương cấp bảo lãnh và hạn mức bảo lãnh. Trường hợp doanh nghiệp không đủ điều kiện được cấp bảo lãnh, Bộ Tài chính thông báo bằng văn bản cho doanh nghiệp và nêu lý do.

4. Sau khi có văn bản phê duyệt của Thủ tướng Chính phủ về chủ trương cấp bảo lãnh và hạn mức bảo lãnh, Bộ Tài chính thông báo bằng văn bản cho doanh nghiệp hạn mức tối đa được phép phát hành trái phiếu có bảo lãnh để triển khai thực hiện theo quy định tại Thông tư này.

MỤC 2. TRÁI PHIẾU DO NGÂN HÀNG CHÍNH SÁCH PHÁT HÀNH TẠI THỊ TRƯỜNG TRONG NƯỚC

Điều 9. Hồ sơ đề nghị cấp bảo lãnh

Căn cứ vào các chương trình tín dụng có mục tiêu của Nhà nước được giao, vào thời gian xây dựng kế hoạch tín dụng chính sách hàng năm, các Ngân hàng chính sách xây dựng kế hoạch nguồn vốn tín dụng mục tiêu cho năm sau, trong đó có nguồn vốn phát hành trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh tại thị trường trong nước và gửi Bộ Tài chính xem xét, trình Thủ tướng Chính phủ

phê duyệt hạn mức cấp bảo lãnh Chính phủ. Hồ sơ đề nghị cấp bảo lãnh bao gồm:

1. Văn bản đề nghị phát hành trái phiếu được bảo lãnh của chủ thể phát hành theo mẫu tại Phụ lục 1 đính kèm Thông tư này.

2. Kế hoạch phát hành trái phiếu được bảo lãnh. Ngoài các nội dung cơ bản quy định tại Khoản 2, Điều 17 Nghị định số 01/2011/NĐ-CP, kế hoạch phát hành trái phiếu phải bao gồm các nội dung sau:

a) Tình hình huy động và sử dụng vốn thực hiện các chương trình tín dụng có mục tiêu của nhà nước trong ba (03) năm liền kề trước năm phát hành, trong đó nêu rõ: tổng nguồn vốn huy động phân theo từng loại nguồn vốn, nguồn vốn thu hồi (nợ gốc, lãi); tổng doanh số cho vay và dư nợ cho vay trong năm theo từng chương trình, tỷ lệ nợ quá hạn (nếu có);

b) Tình hình thanh toán nợ gốc, nợ lãi và dư nợ trái phiếu được bảo lãnh trong 3 năm liền kề trước năm kế hoạch;

c) Dự kiến kế hoạch chương trình tín dụng mục tiêu trong năm tiếp theo, bao gồm: tên chương trình theo các quyết định của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ; kế hoạch tăng trưởng tín dụng có mục tiêu; tổng nguồn vốn, trong đó có nguồn vốn phát hành trái phiếu được bảo lãnh; tổng doanh số cho vay, dư nợ dự kiến;

d) Kế hoạch huy động, trả nợ gốc, nợ lãi trái phiếu được bảo lãnh trong năm kế hoạch.

3. Báo cáo tài chính của ba (03) năm liền kề trước năm đề nghị phát hành đã được kiểm toán bởi Kiểm toán Nhà nước và báo cáo tình hình triển khai thực hiện các kiến nghị của Kiểm toán Nhà nước (nếu có) hoặc tổ chức kiểm toán độc lập hoạt động hợp pháp tại Việt Nam.

4. Các văn bản chứng minh đủ điều kiện phát hành

a) Các văn bản của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ phê duyệt các chương trình tín dụng mục tiêu của Nhà nước;

b) Kế hoạch tăng trưởng tín dụng của các chương trình tín dụng mục tiêu của Nhà nước;

c) Văn bản của Hội đồng quản lý hoặc Hội đồng quản trị phê duyệt kế hoạch tài chính – tín dụng của năm kế hoạch, trong đó có nguồn vốn từ phát hành trái phiếu được bảo lãnh.

Điều 10. Quy trình, thủ tục phê duyệt cấp bảo lãnh

1. Các ngân hàng chính sách gửi một (01) bộ hồ sơ quy định tại Điều 9 Thông tư này đến Bộ Tài chính để kiểm tra tính đầy đủ và hợp lệ và đề nghị bổ sung hồ sơ (nếu có). Trường hợp hồ sơ đã đầy đủ, Bộ Tài chính thông báo để các ngân hàng chính sách nộp bổ sung hai (02) bộ hồ sơ để xem xét có ý kiến.

2. Trong vòng ba mươi (30) ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ phát hành trái phiếu theo quy định tại Khoản 1 Điều này, Bộ Tài chính xem xét, có ý kiến đối với kế hoạch phát hành trái phiếu được bảo lãnh hàng

năm của các ngân hàng Chính sách để trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt. Nội dung xem xét bao gồm:

a) Điều kiện phát hành trái phiếu được bảo lãnh;

b) Hạn mức bảo lãnh Chính phủ hàng năm được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt;

c) Nguồn vốn thực hiện chương trình tín dụng mục tiêu và kế hoạch phát hành trái phiếu được bảo lãnh;

d) Phương án sử dụng và quản lý nguồn vốn phát hành trái phiếu, phương án bố trí nguồn vốn thanh toán gốc, lãi trái phiếu khi đến hạn;

đ) Tình hình tài chính của chủ thể phát hành.

3.[3] *Trong thời gian Thủ tướng Chính phủ chưa có văn bản phê duyệt hạn mức bảo lãnh phát hành trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh cho các Ngân hàng chính sách, Bộ Tài chính thông báo hạn mức phát hành tạm thời trong quý I năm kế hoạch cho các Ngân hàng chính sách, với giá trị tối đa không vượt quá số nợ gốc trái phiếu đến hạn trong quý I năm kế hoạch và hạn mức đang trình Thủ tướng Chính phủ. Thời gian thông báo là trước ngày 31 tháng 12 hàng năm.*

Sau khi có văn bản phê duyệt của Thủ tướng Chính phủ về chủ trương cấp bảo lãnh và hạn mức bảo lãnh, Bộ Tài chính thông báo bằng văn bản cho chủ thể phát hành hạn mức tối đa của năm được phép phát hành trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh để triển khai thực hiện theo quy định tại Thông tư này.

CHƯƠNG III

TỔ CHỨC PHÁT HÀNH TRÁI PHIẾU ĐƯỢC BẢO LÃNH TẠI THỊ TRƯỜNG TRONG NƯỚC

Điều 11. Đăng ký kế hoạch phát hành trái phiếu được bảo lãnh

1. Đối với doanh nghiệp

a) Trên cơ sở thông báo của Bộ Tài chính tại Khoản 4 Điều 8 Thông tư này, doanh nghiệp đăng ký kế hoạch phát hành trái phiếu được bảo lãnh với Bộ Tài chính để Bộ Tài chính xem xét, chấp thuận trước khi tổ chức phát hành.

- Trường hợp đề án phát hành trái phiếu được bảo lãnh quy định chỉ phát hành một đợt duy nhất, doanh nghiệp làm thủ tục đăng ký phát hành với Bộ Tài

---

[3] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 1, Điều 1, Thông tư số 167/2013/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2013, có hiệu lực kể từ ngày 29 tháng 12 năm 2013.

chính chậm nhất là ba mươi (30) ngày làm việc trước ngày dự kiến tổ chức phát hành trái phiếu để Bộ Tài chính thông báo khung lãi suất phát hành trái phiếu được bảo lãnh;

- Trường hợp đề án phát hành trái phiếu được bảo lãnh quy định nhiều đợt phát hành trong một năm hoặc nhiều đợt phát hành tại các năm khác nhau, trước ngày 30 tháng 11 hàng năm, doanh nghiệp phải đăng ký kế hoạch phát hành của năm tiếp theo, trong đó chi tiết khối lượng phát hành, kỳ hạn phát hành của từng đợt phát hành theo quý.

b) Căn cứ kế hoạch phát hành trái phiếu được bảo lãnh được Bộ Tài chính chấp thuận bằng văn bản, doanh nghiệp tổ chức phát hành theo quy định tại Thông tư này.

2. Đối với các ngân hàng chính sách

a) Trên cơ sở thông báo của Bộ Tài chính tại Khoản 3 Điều 10 Thông tư này, căn cứ vào kế hoạch giải ngân của các chương trình tín dụng mục tiêu và kế hoạch trả nợ trái phiếu được bảo lãnh đến hạn, các ngân hàng chính sách đăng ký kế hoạch phát hành của năm chia theo từng quý với Bộ Tài chính theo mẫu quy định tại Phụ lục 2 Thông tư này để xem xét, có ý kiến trước khi tổ chức thực hiện.

b) Căn cứ kế hoạch phát hành năm chi tiết theo quý được Bộ Tài chính chấp thuận bằng văn bản, các ngân hàng chính sách tổ chức phát hành trái phiếu theo quy định tại Thông tư này và phải đảm bảo nguyên tắc:

- Khối lượng phát hành thực tế trong quý không vượt quá hạn mức phát hành đã được Bộ Tài chính có ý kiến;

- Trường hợp khối lượng phát hành thực tế trong quý thấp hơn hạn mức phát hành đã đăng ký với Bộ Tài chính thì phần còn lại được được chuyển sang quý liền kề;

- Trường hợp có nhu cầu phát hành vượt quá kế hoạch quý đã được Bộ Tài chính chấp thuận, các ngân hàng chính sách báo cáo Bộ Tài chính xem xét, có ý kiến trước khi tổ chức phát hành. Văn bản đề nghị gửi Bộ Tài chính phải nêu rõ lý do đề nghị điều chỉnh kế hoạch phát hành.

Điều 12. Các phương thức phát hành trái phiếu

1. Đối với doanh nghiệp

a) Phương thức phát hành trái phiếu được bảo lãnh đối với doanh nghiệp được thực hiện theo đề án phát hành trái phiếu đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt, bao gồm các phương thức sau:

- Đấu thầu phát hành;

- Bảo lãnh phát hành;

- Đại lý;

- Bán lẻ.

b) Doanh nghiệp tổ chức phát hành trái phiếu theo quy định của pháp luật về phát hành trái phiếu doanh nghiệp. Trường hợp doanh nghiệp phát hành trái phiếu ra công chúng phải tuân theo quy định của pháp luật về chứng khoán.

2. Đối với các ngân hàng chính sách

a) Phương thức phát hành bao gồm:

- Đấu thầu phát hành trái phiếu qua Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội;

- Đại lý phát hành.

b) Các ngân hàng chính sách được áp dụng các quy trình, thủ tục về phát hành trái phiếu Chính phủ theo phương thức đấu thầu và phương thức đại lý để phát hành trái phiếu được bảo lãnh.

Điều 13. Đăng ký, lưu ký và niêm yết trái phiếu

1. Đối với doanh nghiệp

a) Trái phiếu được bảo lãnh được đăng ký, lưu ký và niêm yết theo quy định của pháp luật về đăng ký, lưu ký và niêm yết đối với trái phiếu doanh nghiệp và Luật Chứng khoán;

b) Quy trình đăng ký, lưu ký và niêm yết của trái phiếu được bảo lãnh được áp dụng như quy trình đăng ký, lưu ký và niêm yết của trái phiếu doanh nghiệp.

2. Đối với các ngân hàng chính sách

a) Trái phiếu được bảo lãnh được đăng ký, lưu ký tập trung tại Trung tâm lưu ký Chứng khoán Việt Nam và được niêm yết giao dịch tập trung tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội;

b) Quy trình đăng ký, lưu ký và niêm yết của trái phiếu được bảo lãnh được áp dụng như quy trình đăng ký, lưu ký và niêm yết của trái phiếu Chính phủ.

CHƯƠNG IV

THANH TOÁN GỐC, LÃI TRÁI PHIẾU, CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN, PHÍ PHÁT HÀNH, PHÍ THANH TOÁN VÀ PHÍ BẢO LÃNH

Điều 14. Thanh toán gốc, lãi trái phiếu

1. Chủ thể phát hành có trách nhiệm thanh toán gốc, lãi trái phiếu khi đến hạn bằng các nguồn vốn hợp pháp của mình.

2. Trường hợp chủ thể phát hành không thực hiện được hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ thanh toán nợ gốc, nợ lãi trái phiếu khi đến hạn, Bộ Tài chính thực hiện nghĩa vụ thanh toán của chủ thể phát hành trong phạm vi mức bảo lãnh Chính phủ đã cấp theo quy định tại Thông tư này và theo quy định của pháp luật hiện hành về cấp và quản lý bảo lãnh Chính phủ.

Điều 15. Chế độ kế toán

Chủ thể phát hành và các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện công tác kế toán theo quy định của Luật Kế toán và các văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến chế độ kế toán hiện hành.

Điều 16. Phí phát hành trái phiếu và phí thanh toán gốc, lãi trái phiếu

1. Phí phát hành trái phiếu

a) Đối với doanh nghiệp

Phí đấu thầu, phí bảo lãnh và phí đại lý phát hành trái phiếu được thoả thuận giữa chủ thể phát hành và tổ chức đấu thầu, bảo lãnh, đại lý phát hành trái phiếu.

b) Đối với các ngân hàng chính sách

Phí đấu thầu và phí đại lý phát hành trái phiếu được áp dụng bằng mức phí phát hành trái phiếu Chính phủ hiện hành.

2. Phí thanh toán gốc, lãi trái phiếu

Đối với các trái phiếu được bảo lãnh được đăng ký, lưu ký tại Trung tâm lưu ký chứng khoán, phí thanh toán gốc, lãi trái phiếu bằng phí thanh toán gốc, lãi trái phiếu Chính phủ.

Điều 17. Phí cấp bảo lãnh Chính phủ

Chủ thể phát hành trái phiếu được bảo lãnh phải nộp phí cấp bảo lãnh Chính phủ theo quy định hiện hành về cấp và quản lý bảo lãnh Chính phủ.

Điều 18: Hạch toán phí phát hành trái phiếu

1. Doanh nghiệp được hạch toán các chi phí phát hành trái phiếu nêu tại Điều 16, Điều 17 Thông tư này vào giá trị của dự án sử dụng nguồn vốn phát hành trái phiếu hoặc chi phí hoạt động của doanh nghiệp theo quy định của pháp luật.

2. Các ngân hành chính sách được hạch toán các chi phí phát hành trái phiếu nêu tại Điều 16, Điều 17 Thông tư này vào chi phí hoạt động của các ngân hàng.

CHƯƠNG V

CHẾ ĐỘ THÔNG TIN, BÁO CÁO

Điều 19. Báo cáo nhanh kết quả từng đợt phát hành và việc mua lại, hoán đổi

1. Chậm nhất là năm (05) ngày làm việc kể từ ngày kết thúc mỗi đợt phát hành, chủ thể phát hành phải báo cáo Bộ Tài chính chi tiết kết quả phát hành để Bộ Tài chính xác định nghĩa vụ bảo lãnh thực tế theo quy định của pháp luật. Nội dung báo cáo theo mẫu tại Phụ lục 3 Thông tư này.

2. Trên cơ sở báo cáo của chủ thể phát hành, trong vòng mười (10) ngày làm việc, Bộ Tài chính ra thông báo xác nhận nghĩa vụ bảo lãnh đối với đợt trái phiếu được phát hành. Riêng đối với các ngân hàng chính sách, việc xác nhận nghĩa vụ bảo lãnh được thực hiện hàng quý.

3. Chậm nhất là mười (10) ngày làm việc kể từ ngày kết thúc đợt mua lại, hoán đổi trái phiếu theo đề án được cấp có thẩm quyền phê duyệt quy định tại Điều 6 Thông tư này, chủ thể phát hành có trách nhiệm báo cáo Bộ Tài chính kết quả thực hiện mua lại, hoán đổi trái phiếu để Bộ Tài chính xác định và điều chỉnh nghĩa vụ bảo lãnh thực tế.

Điều 20. Báo cáo định kỳ quý, năm

1. Trong vòng mười (10) ngày làm việc sau khi kết thúc mỗi quý và hai mươi (20) ngày làm việc sau khi kết thúc năm tài chính, chủ thể phát hành có trách nhiệm gửi báo cáo tình hình huy động, sử dụng nguồn vốn, tình hình trả nợ gốc, nợ lãi trái phiếu được bảo lãnh bằng văn bản cho Bộ Tài chính để theo dõi theo mẫu tại Phụ lục 4 Thông tư này.

2. Ngoài các nội dung báo cáo định kỳ quy định tại khoản 1 Điều này, chủ thể phát hành có trách nhiệm gửi báo cáo cho Bộ Tài chính:

a) Báo cáo tài chính năm được kiểm toán sau mười (10) ngày làm việc kể từ khi có kết quả kiểm toán;

b) Tình hình tài chính đối với một số trường hợp cần thiết để đánh giá về năng lực tài chính của chủ thể phát hành theo yêu cầu của Bộ Tài chính.

CHƯƠNG VI

XỬ LÝ VI PHẠM VÀ TRƯỜNG HỢP CHỦ THỂ PHÁT HÀNH KHÔNG THANH TOÁN ĐƯỢC NỢ

Điều 21. Đình chỉ phát hành trái phiếu được bảo lãnh

1. Bộ Tài chính thực hiện đình chỉ việc phát hành trái phiếu được bảo lãnh trong các trường hợp sau:

a) Chủ thể phát hành không thực hiện phát hành theo đúng phương án phát hành trái phiếu đã được Thủ tướng Chính phủ chấp thuận và thông báo phát hành của Bộ Tài chính;

b) Lãi suất trái phiếu phát hành vượt quá khung lãi suất do Bộ Tài chính thông báo;

c) Khối lượng phát hành vượt hạn mức được Bộ Tài chính chấp thuận.

2. Việc đình chỉ phát hành được áp dụng đối với đợt phát hành có vi phạm nêu tại Khoản 1 Điều này (nếu chưa tổ chức phát hành) và các đợt phát hành tiếp theo (nếu có) thuộc hạn mức phát hành của chủ thể phát hành đã được phê duyệt.

3. Khi nhận được thông báo của Bộ Tài chính, chủ thể phát hành phải thực hiện ngay việc đình chỉ phát hành trái phiếu.

Điều 22. Xử lý trường hợp chủ thể phát hành không thanh toán được nợ

1. Ít nhất bốn mươi lăm (45) ngày làm việc trước ngày đến hạn thanh toán gốc, lãi trái phiếu mà chủ thể phát hành không có khả năng thanh toán, chủ thể phát hành phải gửi văn bản đến Bộ Tài chính đề nghị thanh toán trả nợ thay. Văn bản của chủ thể phát hành gửi Bộ Tài chính phải giải trình rõ nguyên nhân không thanh toán được nợ và gửi kèm theo các tài liệu chứng minh bao gồm:

a) Báo cáo tài chính kèm thuyết minh chi tiết;

b) Bảng sao kê các tài khoản tiền gửi, tiền mặt của chủ thể phát hành, các khoản nợ phải thanh toán, các khoản phải thu;

c) Văn bản xác nhận của chủ sở hữu về khả năng không trả được nợ của chủ thể phát hành trái phiếu được bảo lãnh là doanh nghiệp.

d) Các tài liệu khác theo yêu cầu báo cáo của Bộ Tài chính.

2. Trong vòng mười (10) ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị và văn bản xác nhận không trả được nợ của chủ sở hữu (trường hợp chủ thể phát hành là doanh nghiệp), Bộ Tài chính xem xét và xử lý trường hợp chủ thể phát hành không thanh toán được nợ theo quy định tại Điều 18, Nghị định số 15/2011/NĐ-CP của Chính phủ.

3. Chủ thể phát hành có trách nhiệm nhận nợ và thanh toán lại cho Bộ Tài chính theo quy định tại Khoản 6, Khoản 7 Điều 15 Nghị định số 15/2011/NĐ-CP của Chính phủ.

CHƯƠNG VII

TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC CƠ QUAN LIÊN QUAN

Điều 23. Trách nhiệm của Bộ Tài chính

1. Chủ trì có ý kiến đối với đề án phát hành trái phiếu được bảo lãnh của các đối tượng được bảo lãnh để trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt cấp bảo lãnh theo quy định tại Thông tư này.

2. Theo dõi, tổng hợp báo cáo tình hình phát hành trái phiếu được bảo lãnh của các chủ thể phát hành và đình chỉ phát hành trong các trường hợp vi phạm theo quy định tại Thông tư này.

3. Quy định về khung lãi suất trái phiếu được bảo lãnh phát hành ở trong nước.

4. Xử lý các vấn đề phát sinh thuộc thẩm quyền của Bộ Tài chính trong trường hợp chủ thể phát hành trái phiếu được bảo lãnh không thanh toán được gốc, lãi trái phiếu khi đến hạn theo quy định tại Thông tư này và các quy định của pháp luật về cấp và quản lý bảo lãnh Chính phủ.

Điều 24. Trách nhiệm của Ngân hàng Nhà nước

1. Xác nhận khoản phát hành trái phiếu được bảo lãnh ra thị trường quốc tế thuộc hạn mức vay thương mại nước ngoài của Chính phủ hàng năm theo đề nghị của chủ thể phát hành.

2. Phối hợp với Bộ Tài chính có ý kiến đối với đề án phát hành trái phiếu được bảo lãnh đối với các đề án phát hành trái phiếu của các doanh nghiệp là các tổ chức tín dụng theo quy định tại Thông tư này.

3. Hướng dẫn nghiệp vụ để trái phiếu được bảo lãnh được giao dịch trên thị trường mở, được cầm cố cho vay tái cấp vốn theo quy định của pháp luật.

Điều 25. Trách nhiệm của chủ thể phát hành trái phiếu

1. Xây dựng đề án phát hành trái phiếu được bảo lãnh để trình cấp có thẩm quyền xem xét, phê duyệt và chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của các thông tin trong đề án phát hành và công bố cho các nhà đầu tư.

2. Tổ chức phát hành trái phiếu theo đúng đề án được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt và thông báo của Bộ Tài chính quy định tại Thông tư này và chịu trách nhiệm về việc phát hành trái phiếu phải gắn với tiến độ giải ngân của các chương trình, dự án.

3. Chịu trách nhiệm toàn bộ trong quá trình sử dụng vốn phát hành trái phiếu được bảo lãnh đúng mục đích, có hiệu quả theo đề án được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

4. Chịu trách nhiệm thanh toán đầy đủ toàn bộ nợ lãi, nợ gốc trái phiếu khi đến hạn theo đề án được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

5. Thực hiện đầy đủ chế độ thông tin, báo cáo theo quy định tại Thông tư này.

6. Thực hiện các nghĩa vụ khác của người được bảo lãnh theo quy định tại Nghị định số 01/2011/NĐ-CP, Nghị định số 15/2011/NĐ-CP của Chính phủ, Thông tư này và các quy định pháp luật hiện hành về quản lý vay, trả nợ nước ngoài.

Điều 26. Trách nhiệm của chủ sở hữu doanh nghiệp nhà nước

1. Phê duyệt phương án phát hành trái phiếu được bảo lãnh theo quy định tại Thông tư này và quy định của pháp luật về phát hành trái phiếu doanh nghiệp.

2. Giám sát quá trình huy động, sử dụng nguồn vốn phát hành trái phiếu doanh nghiệp được bảo lãnh theo quy định tại Thông tư này và quy định của pháp luật về phát hành trái phiếu doanh nghiệp.

CHƯƠNG VIII
TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 27. Điều khoản thi hành [4]

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 18 tháng 04 năm 2012.

2. Thông tư này thay thế các nội dung hướng dẫn sau đây:

a) Các nội dung hướng dẫn về phát hành trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh quy định tại Thông tư số 21/2004/TT-BTC ngày 24 tháng 3 năm 2004 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc đấu thầu trái phiếu Chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh và trái phiếu chính quyền địa phương qua thị trường giao dịch chứng khoán tập trung;

b) Các nội dung hướng dẫn về phát hành trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh quy định tại Thông tư 29/2004/TT-BTC ngày 6 tháng 4 năm 2004 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc bảo lãnh phát hành và đại lý phát hành trái phiếu Chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh và trái phiếu chính quyền địa phương;

c) Các nội dung hướng dẫn về phát hành trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh tại Quyết định số 66/2004/QĐ-BTC ngày 11 tháng 8 năm 2004 của Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành quy chế hướng dẫn về trình tự, thủ tục phát hành

---

[4] Thông tư số 167/2013/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2013 sửa đổi, bổ sung một số Điều Thông tư số 34/2012/TT-BTC ngày 1 tháng 3 năm 2012, có hiệu lực kể từ ngày 29 tháng 12 năm 2013 quy định Điều này như sau:

*"**Điều 2. Điều khoản thi hành***

1. Thông tư này có hiệu lực kể từ ngày 29 tháng 12 năm 2013.

2. Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, các tổ chức phát hành và các đơn vị có liên quan báo cáo kịp thời về Bộ Tài chính để xem xét có hướng dẫn cụ thể./."

trái phiếu Chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh và trái phiếu chính quyền địa phương.

3. Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, các tổ chức phát hành và các đơn vị có liên quan báo cáo kịp thời về Bộ Tài chính để xem xét có hướng dẫn cụ thể.

BỘ TÀI CHÍNH

Số: 01 /VBHN-BTC

Nơi nhận:
- Văn phòng Chính phủ (để đăng Công báo);
- Website Bộ Tài chính;
- NHCSXH, NHPT;
- KBNN;
- Sở GDCK Hà Nội;
- Trung tâm lưu ký chứng khoán;
- UBCKNN;
- Lưu: VT, Vụ TCNH. (06)

XÁC THỰC VĂN BẢN HỢP NHẤT

Hà Nội, ngày 06 tháng 01 năm 2014

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Trần Xuân Hà